

**Bản án số: 26/2022/DS-ST
Ngày: 16/9/2022
V/v: “Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thành
2. Bà Lương Thị Thạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2022/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2022, về việc “Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị Kim L** – sinh năm 1962. Có mặt.
Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.
- **Bị đơn:** Bà **Lê Thị T** – sinh năm 1966. Vắng mặt.
Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L trình bày:**

Ngày 05.01.2019, bà L cho bà Lê Thị T vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích là mua đất cho con bà T. Khi vay tiền bà T có viết giấy vay mượn. Ngoài ra, bà T còn đưa cho bà L bản chính sổ đóng bảo hiểm của bà T để làm tin.

Ngày 15.4.2019, bà T tiếp tục vay của bà L 1.700 USD (quy ra tiền khoảng 40.000.000 đồng), bà T có viết giấy vay mượn. Ngoài ra, bà T còn đưa cho bà L bản chính sổ bảo hiểm do ông Hoàng Anh T đứng tên và giấy ủy quyền của ông T cho bà T nhận tiền bảo hiểm. Bà T có nói với bà L khoảng tháng 9/2019 bà T nhận tiền từ sổ bảo hiểm để trả nợ khoản vay cho bà L.

Tổng cộng số tiền bà T vay của bà L là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Bà L nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cố tình né tránh trả nợ. Nay bà L yêu cầu bà T phải trả cho bà L số tiền 140.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn: Bà Lê Thị T:**

Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T không đến Tòa làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn vắng mặt không lý do.

Qua xác minh tại địa phương, bà Lê Thị T có hộ khẩu tại khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay, bà T không có mặt tại địa phương; bà T đi đâu, làm gì không báo chính quyền địa phương.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền 140.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Kim L yêu cầu bà Lê Thị T trả nợ vay, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, phía bị đơn có địa chỉ tại khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hai bên để hòa giải nhưng bị đơn không chấp hành cũng không nộp ý kiến cho Tòa đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xác minh tại địa phương, bà Lê Thị T có hộ khẩu tại khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Hiện nay, bà T không có mặt tại địa phương; bà T đi đâu, làm gì không báo chính quyền địa phương. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án giấy biên nhận đề ngày 05/01/2019 thể hiện: “Tôi tên Lê Thị T, Tân An, L, Bình Thuận. Tôi có mượn của chị L số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu đồng). Tôi có giao cho chị L 01 cuốn sổ bảo hiểm mang tên: Lê Thị T, mã số: 460.4001717 cấp lần 2”; Biên nhận đề ngày 15.4.2019 thể hiện: “Tôi tên Lê Thị T, Tân An, L, Bình Thuận. Tôi có nhận của chị L 1.700 USD (Một ngàn, bảy trăm USD). Tôi có gửi lại 01 giấy ủy quyền và một cuốn sổ bảo hiểm tên: Hoàng Anh T. Cả hai giấy biên nhận đều có chữ ký và chữ viết của bị đơn bà Lê Thị T. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp cho Tòa sổ bảo hiểm mang tên: Lê Thị T và Hoàng Anh T (bản phô tô chứng thực) và Thông báo trả nợ ngày 08.6.2021 cho bà T.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vay tiền và USD giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật, nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn 100.000.000 đồng và 1.700 USD, nên thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự về vay tiền là không trái pháp luật, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L và bị đơn bà Lê Thị T là hợp pháp đối với khoản nợ gốc. Kể từ ngày bị đơn vay tiền và USD của nguyên đơn và cho đến thời điểm nguyên đơn có Thông báo trả nợ ngày 08.6.2021 nhưng bị đơn bà Lê Thị T vẫn chưa trả tiền và USD cho nguyên đơn. Như vậy, phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc cho nguyên đơn với số tiền 100.000.000 đồng và 1.700 USD quy thành tiền Việt Nam ngày 16.9.2022 là: 40.358.000 đồng (100 USD giá: 2.374.000 đồng), nhưng tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết đối với 1.700 USD tại thời điểm cho vay quy ra tiền Việt Nam là 40.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, tổng cộng số tiền mà bị đơn bà Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L là: 140.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà L không yêu cầu tính lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim L được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 469 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự 2015;
- Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho bà Phạm Thị Kim L số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 7.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2022). Riêng bị đơn bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND.tx.La Gi;
- Chi cục THADS.tx.La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn